

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ĐHQG - HTĐT, 08/2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2016/UBND-KTTH

An Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2017

V/v thực hiện các quy trình thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ T. AN GIANG	
Số ĐẾN:	3713
Ngày:	27/11
Chuyển:	
HL	59 00 00

Kính gửi:

- Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố
- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Thực hiện Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang và để bảo đảm thống nhất quy trình thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân sớm triển khai thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện quy trình thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Quy trình thủ tục đầu tư:

Bước 1: Tiếp xúc, giới thiệu địa điểm đầu tư và đăng ký thực hiện dự án đầu tư:

1. Nhà đầu tư tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh An Giang có thể tiếp xúc tất cả các Sở, Ban ngành trên địa bàn tỉnh để được giới thiệu địa điểm đầu tư, dự án đầu tư.

- Đây là khâu chào hỏi, tiếp xúc ban đầu để mời gọi đầu tư. Nếu xét thấy phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành tài đơn vị tiếp xúc ủng hộ về mặt chủ trương.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh hướng dẫn hồ sơ và thẩm định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thẩm quyền và đúng quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng...

2. Đăng ký thực hiện dự án đầu tư:

Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.

Bước 2: Quyết định chủ trương đầu tư:

1. Trường hợp 1: thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội bao gồm các dự án sau:

- Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Bao gồm: nhà máy điện hạt nhân; chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên.

- Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên.

- Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác.

- Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

→ Theo chương trình và kỳ họp Quốc hội, Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư.

2. Trường hợp 2: thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ bao gồm các dự án sau:

- Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau: di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác; xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không; xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia; thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino; sản xuất thuốc lá điếu; phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế; xây dựng và kinh doanh sân golf.

- Dự án không thuộc quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất trường hợp 2 này có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên.

- Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài.

- Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp 3: thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm các dự án sau:

- Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

- Dự án có sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

* Thời gian giải quyết: sau 16 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư (quy định hiện hành là 35 ngày). Trong đó:

- Thời gian tiếp nhận và soạn văn bản lấy ý kiến của Sở chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện: 01 ngày.

- Thời gian trả lời ý kiến của Sở chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện: 05 ngày.

- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định: 07 ngày.

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư: 03 ngày.

* Trường hợp dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại xã, phường, thị trấn biên giới thì trước khi xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật về đăi đai (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao...).

* Trường hợp điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư: thời gian giải quyết là 12 ngày (quy định hiện hành là 25 ngày).

4. Trường hợp 4:

- Đối với dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư: sau 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư (quy định hiện hành là 15 ngày làm việc).

- Đối với trường hợp dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài có mục tiêu thuộc ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ quản lý ngành để xem xét, quyết định.

Bước 3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thành lập doanh nghiệp:

- Nhà đầu tư có thể thực hiện song song 02 thủ tục này trong 01 ngày làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư:

+ Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư (quy định hiện hành là 05 ngày làm việc).

+ Cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong 01 ngày làm việc kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (quy định hiện hành là 03 ngày làm việc).

- Trường hợp dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (quy định hiện hành là 15 ngày).

* Lưu ý: thành lập doanh nghiệp chỉ áp dụng cho cá nhân, tổ chức nước ngoài lần đầu đầu tư vào Việt Nam và cá nhân người Việt Nam đầu tư tại tỉnh An Giang.

Bước 4: Thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện dự án:

Nhà đầu tư có thể thực hiện song song hoặc từng loại thủ tục sau đây để triển khai thực hiện dự án:

1. Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:

- Trường hợp 1: những dự án đầu tư xây dựng trong khu vực đô thị phù hợp với quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch phân khu xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 gửi phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng) thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thỏa thuận với Sở Xây dựng trước khi phê duyệt trong thời gian 30 ngày (quy định hiện hành là 45 ngày).

- Trường hợp 2: những dự án đầu tư xây dựng trong khu vực đô thị nhưng không phù hợp với quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch phân khu xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 gửi Sở Xây dựng thẩm định (trên cơ sở đã có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong thời gian 40 ngày (quy định hiện hành là 45 ngày).

- Trường hợp 3: những dự án đầu tư xây dựng ngoài khu vực đô thị (khu vực nông thôn) trên địa bàn huyện thì nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 gửi phòng Kinh tế Hạ tầng (phòng Kinh tế Hạ tầng căn cứ vào đồ án quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới (tiêu chí 1.1 và 1.2) được duyệt và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương) thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt trong thời gian 30 ngày (quy định hiện hành là 45 ngày).

Lưu ý: đối với dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án nhà ở chung cư) thì chủ đầu tư có thể lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định).

2. Thủ tục cấp phép xây dựng:

- Cấp mới do Sở Xây dựng cấp: 15 ngày (quy định hiện hành là 20 ngày).

- Cấp mới do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp: 10 ngày (quy định hiện hành là 10 ngày).

- Gia hạn, điều chỉnh, cấp lại: 05 ngày (quy định hiện hành là 05 ngày).

3. Thủ tục môi trường:

- Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: 30 ngày (quy định hiện hành là 50 ngày).

- Phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường: 10 ngày (Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận).

4. Thủ tục đất đai:

- Không thông qua đấu giá : 23 ngày (quy định hiện hành là 46 ngày).

- Chuyển mục đích sử dụng đất : 23 ngày (quy định hiện hành là 43 ngày).

5. Các thủ tục liên quan khác:

- Thủ tục phòng cháy chữa cháy: 15 ngày (quy định hiện hành là 20 ngày).
- Thủ tục cấp điện đối với lưới điện trung áp: 30 ngày làm việc (quy định hiện hành là 35 ngày).
- Thủ tục cấp nước: 07 ngày.
- Thủ tục thoát nước: 10 ngày.

Bước 5: Triển khai thực hiện dự án.

Bước 6: Hoàn thành nghiệm thu đi vào hoạt động và đăng ký sở hữu tài sản gắn liền với đất.

(kèm phụ lục I. Quy trình thủ tục đầu tư)

II. Quy trình đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP):

Bước 1: Lựa chọn sơ bộ dự án PPP:

Việc lựa chọn sơ bộ dự án PPP thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các tổ chức, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn sơ bộ dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép lập đề xuất dự án.

Bước 2: Lập đề xuất dự án:

Căn cứ ý kiến chấp thuận về việc lập đề xuất dự án theo hình thức PPP quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lập thẩm định phê duyệt đề xuất dự án.

1. Nội dung đề xuất dự án: Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc nhà đầu tư lập đề xuất dự án theo các nội dung được quy định tại Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và nội dung hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT. Đối với dự án có cấu phần xây dựng, đề xuất dự án bao gồm thiết kế sơ bộ (thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm C) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đây là khâu chào hỏi, tiếp xúc ban đầu để mời gọi đầu tư, nếu xét thấy phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành thì đơn vị tiếp xúc ủng hộ về mặt chủ trương.

2. Trình thẩm định đề xuất dự án: Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc nhà đầu tư gửi hồ sơ đề xuất dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt:

- Số lượng hồ sơ: từ 04 đến 07 bộ tùy vào lĩnh vực và nhóm dự án, gồm các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án.

- Đề xuất dự án theo nội dung quy định tại Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và nội dung hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.
- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có).
- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

Bước 3: Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án:

1. Thẩm định đề xuất dự án:

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản lấy ý kiến của các Sở ban ngành liên quan về nội dung đề xuất dự án.

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Sở ban ngành liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc có văn bản gửi đến nhà đầu tư yêu cầu hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ đề xuất dự án (trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu).

2. Phê duyệt đề xuất dự án: căn cứ vào văn bản đề xuất dự án của nhà đầu tư và báo cáo kết quả thẩm định đề xuất dự án của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề xuất dự án và chuyển hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để trả kết quả.

3. Trả kết quả thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thông báo cho đơn vị lập đề xuất dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận kết quả thẩm định.

Bước 4: Công bố dự án:

- Căn cứ theo nội dung “Công bố dự án” được quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đề xuất dự án được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cung cấp thông tin và công bố danh mục dự án được phê duyệt trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Sau khi cung cấp thông tin và công bố danh mục dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định, nhà đầu tư căn cứ quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản pháp lý liên quan khác gửi đơn đăng ký tham gia thực hiện dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và làm cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Bước 5: Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:

1. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT: “Đơn vị chuẩn bị dự án (Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, trên cơ sở hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, trừ dự án nhóm C”.

* Lưu ý: đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất việc giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy tại khoản 2 và 3 Điều 24 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

- Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi: đối với dự án có cấu phần xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và các nội dung được hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số

02/2016/TT-BKHĐT, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng”.

- Trình thẩm định: đơn vị chuẩn bị dự án (Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc nhà đầu tư gửi hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức lấy ý kiến các ngành liên quan và thẩm định, trình phê duyệt. Số lượng hồ sơ từ 04 đến 07 bộ tùy vào lĩnh vực và nhóm dự án, gồm các tài liệu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT:

+ Văn bản trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi: nội dung văn bản trình duyệt bao gồm căn cứ trình duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh nội dung chính của báo cáo nghiên cứu khả thi và các kiến nghị.

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi theo nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và các nội dung được hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT.

+ Bản thỏa thuận giữa Bộ ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án).

+ Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

+ Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

2. Thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi:

+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản lấy ý kiến của các Sở ngành liên quan về nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi.

+ Trên cơ sở ý kiến của các Sở ban ngành liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành lập báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc có văn bản gửi đến nhà đầu tư yêu cầu hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu).

- Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi: căn cứ vào văn bản trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của nhà đầu tư và báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi và chuyển hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để trả kết quả.

- Trả kết quả thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thông báo cho đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận kết quả và đóng phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo định mức quy định.

* Lưu ý:

- Dự án nhóm C không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng phải có thiết kế cơ sở và phương án tài chính trong đề xuất dự án làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư và đàm phán hợp đồng dự án.

- Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

+ Không quá 16 ngày làm việc đối với dự án nhóm B (theo quy định là 20 ngày).

+ Không quá 12 ngày làm việc đối với dự án nhóm C (theo quy định là 15 ngày).

Bước 6: Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết thỏa thuận đầu tư, hợp đồng dự án: Thực hiện theo Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Bước 7: Thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư và thành lập doanh nghiệp dự án: Thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

Bước 8: Triển khai thực hiện dự án.

Bước 9: Quyết toán và chuyển giao công trình.

(kèm phụ lục II. Quy trình đầu tư theo hình thức đối tác công - tư)

III. Tổ chức thực hiện:

1. Các Sở ban ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, có văn bản phản hồi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn.

Nơi nhận: *Vst*

- Như trên;
- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: HCTC, P. KTTH, KTN.
(kèm 02 phụ lục)

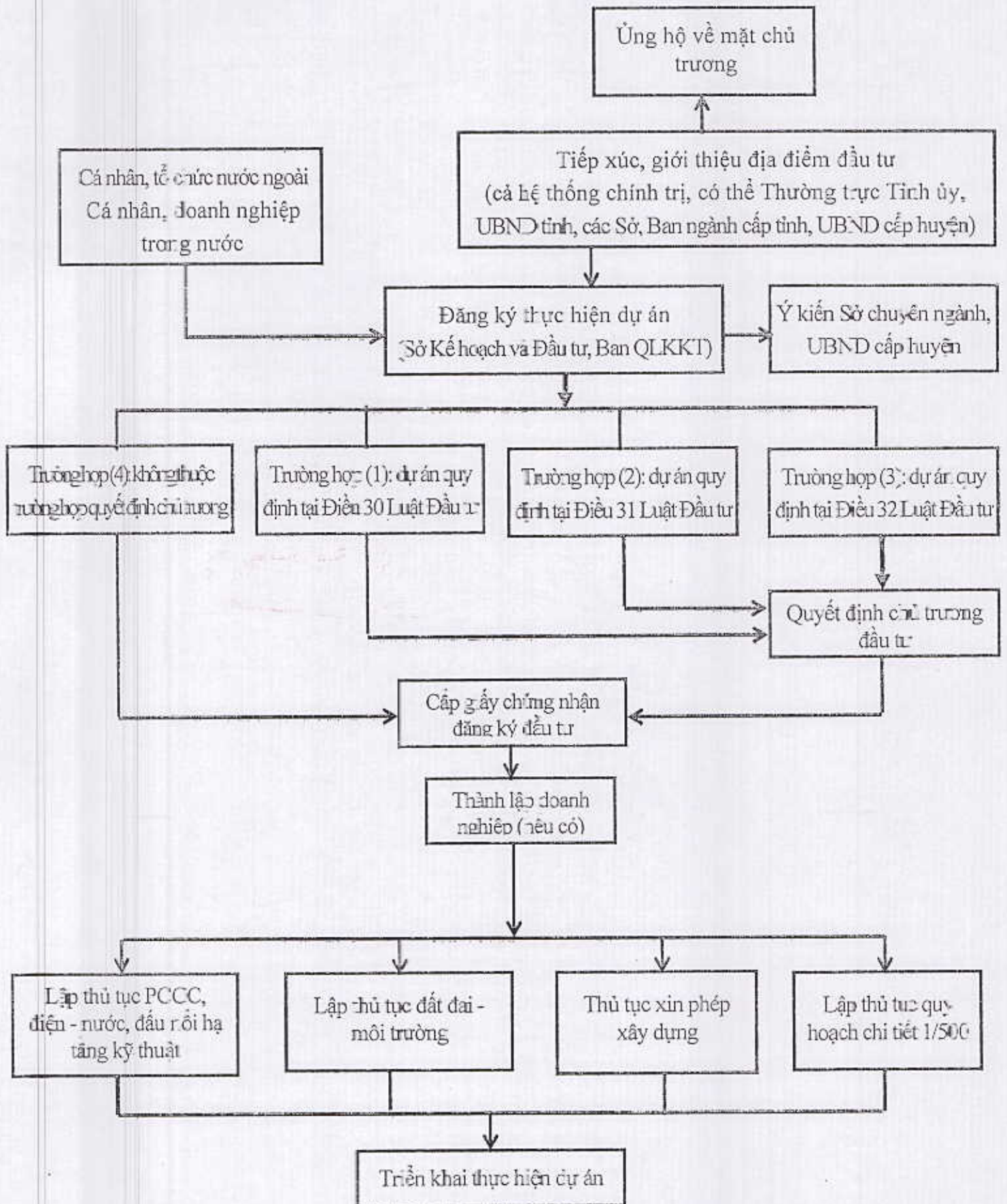
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lê Văn Nung

Phụ lục I
Quy trình thủ tục đầu tư



Phụ lục II
Quy trình đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

